

 PHÚ YÊN CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN	 IAC-MRA	 BUREAU OF ACCREDITATION VIETNAM VILAS 746
---	---	---	---

Số: 45/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

I./ THÔNG TIN MẪU

STT	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	198M ₁ 01/15	Nhà Máy Bia Phú Yên	Nước sau khí xử lý	Võ Bá Duy Huân	07/12/2015 9g30-9g45	Nguyễn Thị Cầm Tú
2	198M ₂ 01/15	Hộ Dân thôn 2- Hòa Vinh			07/12/2015 10g00-10g15	
3	199M ₁ 01/15	Điểm Giao Dịch Cấp Nước - An Phú		Trần Quang Vinh	07/12/2015 9g30-9g45	Phạm Thị Luyện
4	200M ₁ 01/15	207 Nguyễn Công Trứ		Nguyễn Thị Cầm Tú	07/12/2015 8g30-8g45	
5	200M ₂ 01/15	Cảng cá Phường 6			07/12/2015 9g00-9g15	
6	200M ₃ 01/15	Ủy ban nhân dân Tỉnh			07/12/2015 9g30-9g45	
7	201B01/15	Bể chứa NMN Tuy Hòa			07/12/2015 8g00-8g15	

II./KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				176M ₁ 01/15	176M ₂ 01/15	177M ₁ 01/15	178M ₁ 01/15
1	pH	6,5-8,5	TCVN6492:1999	6.90	7.00	7.10	6.90
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.56	0.50	0.68	0.81
3	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	KPH	0.03	0.04	0.02
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	16.14	12.28	11.93	16.50
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	48.64	16.05	16.55	49.14
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	3.90	5.70	4.00	4.50
8	Mùi vị	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	3.90	2.8	4.30	2.70
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	7.20	3.30	3.30	7.80
11	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	KPH	KPH	0.01	KPH
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.32	0.39	0.39	0.32
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
14	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH	KPH	KPH	KPH



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

VILAS 746

II./KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				178M ₂ 01/15	178M ₃ 01/15	179B01/15	
1	pH	6,5-8,5	TCVN6492:1999	6.89	6.92	6.92	
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.53	0.71	0.86	
3	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.03	0.03	0.06	
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	16.85	16.85	17.00	
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	48.14	48.64	49.64	
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH	KPH	
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	3.80	4.70	4.40	
8	Mùi vị	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	2.70	3.00	4.10	
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	8.10	8.10	8.30	
11	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	0.01	KPH	0.02	
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.39	0.39	0.39	
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	
14	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH	KPH	0.53	

Ghi chú: - KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa, ngày 16 tháng 12 năm 2015

Lãnh Đạo Công Ty

Phòng Kỹ Thuật

Bộ Phận Hóa Nghiệm



Nguyễn Tấn Thuận

Võ Bá Duy Huân